

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 05/2022/DS-ST
Ngày: 17-02-2022
*Về việc tranh chấp hợp đồng
dân sự mua bán*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Nước

Ông Hà Văn Quen

- Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Rine - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Trương Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 118/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2021/QĐXX-ST ngày 16 tháng 12 năm 2021 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mộng K sinh năm 1995. Địa chỉ ấp A, xã B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Mộng K: Bà Đoàn Thị Tú H sinh năm 1995. Địa chỉ ấp B, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 18 tháng 6 năm 2021). Có mặt

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T sinh năm 1976. Có mặt

Bà Huỳnh Thị T sinh năm 1983. Có đơn xin vắng mặt

Cùng địa chỉ: khóm A, Phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21-6-2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Mộng K và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Mộng K là bà Đoàn Thị Tú H trình bày: Ngày 31-3-2017 vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị T có thỏa thuận mua thức ăn nuôi tôm của hộ kinh doanh Tân Quang M. Hai bên thỏa thuận khi thu hoạch tôm thì ông T và bà T

phải thanh toán nợ của vụ nuôi tôm cho phía hộ kinh doanh Tân Quang M. Đến ngày 31-3-2017, hộ kinh doanh Tân Quang M tiến hành cung cấp thức ăn nuôi tôm cho phía ông T và bà T. Nhưng sau thu hoạch tôm ông T bà T không thanh toán nợ cho phía hộ kinh doanh Tân Quang M nên phía hộ kinh doanh Tân Quang M đã ngưng cung cấp thức ăn cho ông T bà T. Tính đến tháng 7 năm 2019, phía ông T bà T nợ tiền mua thức ăn của hộ kinh doanh Tân Quang M là 253.001.000 đồng. Nay bà Lê Thị Mộng K là chủ hộ kinh doanh Tân Quang M yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị T trả số tiền mua thức ăn và thuốc nuôi tôm còn nợ gốc là 253.001.000 đồng; Yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 01-8-2019 đến ngày 01-6-2021 là 22 tháng, lãi suất 10%/năm là 46.198.000 đồng.

Tại biên bản tự khai ngày 26-9-2021, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại phiên tòa ông Nguyễn Văn T trình bày: Ngày 31-3-2017, ông và bà T có thỏa thuận mua thức ăn nuôi tôm của hộ kinh doanh Tân Quang M. Hai bên thỏa thuận khi thu hoạch tôm thì ông và bà T sẽ thanh toán nợ của vụ nuôi tôm cho phía hộ kinh doanh Tân Quang M. Đến ngày 31-3-2017, ông bà có nhận thức ăn từ hộ kinh doanh Tân Quang M để nuôi tôm. Ông bà có nhận thức ăn nuôi tôm nhiều lần từ hộ kinh doanh đại lý thức ăn Tân Quang M, nhưng do nuôi tôm thua lỗ nên chưa có tiền thanh toán cho phía hộ kinh doanh Tân Quang M. Ông thống nhất và thừa nhận tính đến tháng 7 năm 2019 ông và bà T nợ tiền mua thức ăn nuôi và thuốc nuôi tôm của hộ kinh doanh Tân Quang M là 253.001.000 đồng. Nay ông đồng ý thanh toán cho bà Lê Thị Mộng K là chủ hộ hộ kinh doanh đại lý thức ăn Tân Quang M số tiền nợ gốc mua thức ăn và thuốc nuôi tôm là 253.001.000 đồng; Ông không đồng ý thanh toán lãi chậm trả cho Lê Thị Mộng K.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10-11-2021, bị đơn bà Huỳnh Thị T trình bày: Bà thống nhất lời trình bày của ông Nguyễn Văn T, cụ thể bà thừa nhận tính đến tháng 7 năm 2019, bà và ông T còn nợ tiền mua thức ăn nuôi tôm của hộ kinh doanh Tân Quang M là 253.001.000 đồng. Nay bà đồng ý thanh toán cho bà Lê Thị Mộng K là chủ hộ kinh doanh đại lý thức ăn Tân Quang M số tiền mua thức ăn và thuốc nuôi tôm còn nợ gốc là 253.001.000 đồng; Bà không đồng ý thanh toán lãi chậm trả cho Lê Thị Mộng K.

Về ý kiến phát biểu tranh luận: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đoàn Thị Tú H cho rằng do vợ chồng Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị T chậm trả tiền mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc nuôi tôm số tiền còn nợ 253.001.000 đồng kể từ khi hai bên ngưng giao dịch ngày 01/8/2019 do đó phải chịu tiền lãi số tiền 46.198.000 đồng. Bị đơn ông Nguyễn Văn T cho rằng khi mua bán không có thỏa thuận về tiền lãi nên vợ chồng ông T không chấp nhận trả tiền lãi.

Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự; thu thập tài liệu, chứng cứ đầy đủ theo quy định, tuy nhiên còn vi phạm thời hạn hoãn phiên tòa. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo các chứng cứ và lời trình bày của nguyên đơn bà Kha với bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị T đã thể hiện ông T và bà T có mua thức ăn nuôi tôm và thuốc nuôi tôm của bà Lê Thị Mộng K là chủ hộ kinh doanh đại lý thức ăn Tân Quang M. Đến ngày 17/3/2020 giữa bà Kha và ông T có đối chiếu nợ với số tiền gốc 253.001.000 đồng, ông T và bà T cũng thừa nhận còn nợ bà Lê Thị Mộng K là chủ hộ kinh doanh thức ăn Tân Quang M số tiền 253.001.000 đồng. Theo thỏa thuận thì ông T và bà T khi thu hoạch tôm xong phải trả cho bà Lê Thị Mộng K là chủ hộ kinh doanh đại lý thức ăn Tân Quang M tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc nuôi tôm, nhưng đến nay chưa thanh toán tiền cho bà Kha là đã vi phạm hợp đồng. Việc ông T và bà T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, phía nguyên đơn bà Lê Thị Mộng K là chủ hộ kinh doanh thức ăn Tân Quang M yêu cầu tính lãi chậm trả bằng 10%/năm tính từ ngày 01/8/2019 đến ngày 01/6/2021 là đúng quy định tại các Điều 440 và 468 Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đoàn Thị Tú H chỉ yêu cầu tính lãi đến ngày 01/6/2021 theo như đơn khởi kiện, ngoài ra không yêu cầu gì. Từ cơ sở phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định. Kiến nghị đề nghị khắc phục việc thời hạn hoãn phiên tòa chưa đúng quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn bà Lê Thị Mộng K yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn T và Huỳnh Thị T thanh toán số tiền nợ mua thức ăn và thuốc nuôi tôm. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T và bà T có nơi cư trú tại khóm 1, phường 2, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét sự vắng mặt của bị đơn bà Huỳnh Thị T tại phiên tòa, nhưng bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mộng K yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị T thanh toán số tiền mua thức ăn và thuốc nuôi tôm còn nợ 253.001.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy ngày 31-3-2017 ông T và bà T có thỏa thuận mua thức ăn và thuốc nuôi tôm của hộ kinh doanh Tân Quang M do bà Lê Thị Mộng K là chủ hộ. Hai bên thỏa thuận khi thu hoạch tôm thì ông T và bà T phải trả nợ của vụ nuôi tôm cho phía hộ kinh doanh Tân Quang M. Tính từ ngày 31-3-2017 đến cuối tháng 7-2019, phía hộ kinh doanh Tân Quang M đã cung cấp thức ăn nuôi tôm cho phía ông T và bà T nhiều lần. Tính đến cuối tháng 7-2019 ông T và bà T còn nợ tiền mua thức ăn và thuốc nuôi tôm của hộ kinh doanh Tân Quang M với số tiền là 253.001.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông T thừa nhận còn nợ tiền mua thức ăn nuôi tôm của hộ kinh doanh Tân Quang M là 253.001.000 đồng, nhận thấy đây là những

tình tiết, sự kiện không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, bà Lê Thị Mộng K yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị T thanh toán số tiền nợ mua thức ăn và thuốc nuôi tôm là có căn cứ theo quy định tại Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Kha yêu cầu ông T và bà T thanh toán tiền nợ lãi chậm trả từ ngày 01-8-2019 đến ngày 01-6-2021 là 22 tháng, lãi suất 10%/năm với số tiền là 46.198.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy việc hộ kinh doanh Tân Quang M, ông T và bà T thỏa thuận mua bán thức ăn nuôi tôm, đây là giao dịch được pháp luật dân sự cho phép giao dịch, nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Ông T và bà T thừa nhận có giao dịch mua thức ăn nuôi tôm của hộ kinh doanh đại lý thức ăn Tân Quang M và thừa nhận sẽ thanh toán tiền mua thức ăn cho hộ kinh doanh đại lý thức ăn Tân Quang M sau khi thu hoạch tôm. Nhưng sau thu hoạch tôm phía ông T và bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh cho phía hộ kinh doanh Tân Quang M. Việc ông T và bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cho hộ kinh doanh Tân Quang M đã vi phạm tại **Điều 430** của Bộ luật Dân sự. Do đó việc bà Kha yêu cầu phía ông T và bà T trả lãi chậm trả là phù hợp theo quy định tại **khoản 1 Điều 357** của Bộ luật dân sự. Trong quá trình giao dịch mua bán thức ăn ông T, bà T và hộ kinh doanh Tân Quang M không thỏa thuận mức lãi suất chậm trả, do đó việc bà Kha yêu cầu ông T và bà T trả lãi chậm trả với mức lãi suất là 10%/năm là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại **khoản 2 Điều 357 và khoản 1 Điều 468** của Bộ luật Dân sự.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Kha được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông T và bà T phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm được tính như sau $299.199.000 \text{ đồng} \times 5\% = 14.959.950 \text{ đồng}$.

[6] Về phần kiến nghị vi phạm thủ tục việc thời hạn hoãn phiên tòa chưa đúng thời hạn Thẩm phán sẽ khắc phục.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 40, 92, 147, 227, 264, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 116, 274, 275, 357, 430, 440 và 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mộng K yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị T hoàn trả cho bà Lê Thị Mộng K số tiền mua thức ăn và thuốc nuôi tôm còn nợ 253.001.000 đồng và tính lãi suất 10%/năm từ ngày 01/8/2019 đến ngày 01/6/2021.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị T có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Mộng K số tiền nợ mua thức ăn và thuốc nuôi tôm là 253.001.000 (hai trăm năm mươi ba triệu không trăm lẻ một nghìn) đồng và số tiền nợ lãi là 46.198.000 (bốn mươi sáu triệu một trăm chín mươi tám nghìn) đồng. Tổng cộng là 299.199.000 (hai trăm chín mươi chín triệu một trăm chín mươi chín nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án sơ thẩm được xét xử cho đến khi thi hành án xong khoản nợ này, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 14.959.950 (mười bốn triệu chín trăm năm mươi chín nghìn chín trăm năm mươi) đồng.

Hoàn trả cho bà Lê Thị Mộng K số tiền đã nộp tạm ứng là 7.480.000 (bảy triệu bốn trăm tám mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006222 ngày 29 tháng 6 năm 2021 của chi cục thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

3. Nguyên đơn bà Lê Thị Mộng K và bị đơn ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn Huỳnh Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Duyên Hải;
- CCTHADS thị xã Duyên Hải;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Trung